

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/09/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+P8+TTC2	7:25	21+1+0	0+0+0		19+1+2	0+0+0	
2		RP2+RC10	7:25	17+2	0+0		15+4	0+0	puma
3		RP2+CTC1	7:25	11+8	0+0		7+12	0+0	ec
4		P2	9:25	22	0		22	0	Puma
5		C10 - P2	9:25	19	0		18	0	puma
6		C10+RC3+TD1	11:25	4+12+3	0+0+0		0+12+7	0+0+0	ec
7		P2+BK5+P9	11:25	19+3+0	0+0+0		14+4+4	0+0+0	chuyen 1 p2- bk5; 2 p2-p9
8		RP2+BK6	11:25	15+4	0+0		8+4	0+0	puma
9		TD3+BK8	13:30	11+11	0+0		5+17	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ 2 pygas đi P2 sau chuyển sang P9;

2/ Đi về trong ngày TD1-5ng



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO:TD1 - P8 - TTC2	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM25/3393	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC NAM	TD1						81	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN NAM THAI	TD1						64	D-HANH	Vietnamese
3	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1						107	KHOAN	Russian
4	BADRETDINOV EDGAR	TD1	69	1	6			76	KHOAN	Russian
5	NGUYỄN NHƯ BĂNG	TD1	56	1	3			59	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	59	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÌNH XUÂN HOA	TD1	64-65	2	11			65	KHOAN	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN DUY	TD1	58	1	5			67	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ VĂN HOÀN	TD1	66	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐÌNH ĐỨC TIỀN	TD1	67	1	4			74	KHOAN	Vietnamese
11	HOA XUÂN LUÂN	TD1	57	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN MINH HOÀNG	TD1	54-55	2	7			74	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG THANH TRUNG	TD1						72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA THU	TD1	51	1	3			52	KH-THAC	Vietnamese
15	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	62	1	8	3	50	71	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ BA CHIẾN	TD1	53	1	12			75	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC SƠN	TD1	52	1	4	1	3	56	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	TD1	63	1	12			76	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC NINH	TD1	61	1	16			74	DVL	Vietnamese
20	PHẠM XUÂN HÙNG	TD1	60	1	12			71	DVL	Vietnamese
21	TRẦN CÔNG CHIẾN	TD1	68	1	16			83	DVL	Vietnamese
22	LAZAREV ALEXANDER	P8	56	1	7			81	KH-THAC	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	21	1.517	19	134	4	53	19		
2	P8	1	81	1	7	0	0	1		
3	TTC2	0	0	0	0	3	58	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.598</b>	<b>20</b>	<b>141</b>	<b>7</b>	<b>111</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.598</b>		<b>141</b>		<b>111</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:35
B.CARD: cam-1	TO:RP2 - RC10	CREW: NKHANH - TRINH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM25/3387	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VU MANH HA	RP2	17	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
2	LE VAN LAM	RP2	03-04	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG HUU SON	RP2	19	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN KIM CUONG	RP2	05	1	5	1	15	64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN SACH DON	RP2	14-15	2	13			66	KH-THAC	Vietnamese
6	DAO MANH HUY	RP2	16	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG QUOC VUONG	RP2	20	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET HUNG	RP2	11-12	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH DUONG	RP2	13	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
10	VU TUAN ANH	RP2	09-10	2	15			60	KH-THAC	Vietnamese
11	LE CONG MINH HIEU	RP2	23	1	6			96	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO TUAN ANH	RP2	18	1	14			78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN KHANH	RP2	08	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
14	DO VAN DUNG	RP2	02	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
15	HO THIEN DAT	RP2	06-07	2	15			67	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI HUU TAM	RP2	01	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
17	DINH VAN QUAN	RP2	21-22	2	16			60	KH-THAC	Vietnamese
18	DAO VIET HAI	RC10	17	1	2			74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN HUNG	RC10	18	1	8	1	7	65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	17	1.202	23	152	1	15	16		
2	RC10	2	139	2	10	1	7	3		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.341</b>	<b>25</b>	<b>162</b>	<b>2</b>	<b>22</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.341</b>		<b>162</b>		<b>22</b>			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

NGUYỄN VĂN KHÁNH

TRẦN KHÁNH TRINH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:RP2 - CTC1	CREW: ĐTRUNG - CHIẾN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM25/3384	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN THÀNH	RP2	50	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	46	1	14			96	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ VĂN SANG	RP2	51	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÙNG	RP2	49	1	3	2	40	65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	RP2	52	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HAI SANG	RP2	53	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG QUỐC MAI	RP2	44	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ DUY QUYÊN	RP2	45	1	14			65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	RP2	47-48	2	14			100	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM QUANG LỢI	RP2	43	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	98	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	97	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1						77	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THÈ MẠNH	CTC1	91	1	2			80	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VŨ TIẾN THANH	CTC1	94	1	7			95	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN MẠNH	CTC1	99	1	5	2	25	66	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH HAI	CTC1	95-96	2	16			83	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	92-93	2	7			66	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	11	793	11	82	2	40	7		
2	CTC1	8	581	9	48	2	25	12		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.374</b>	<b>20</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>65</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.374</b>		<b>130</b>		<b>65</b>			

GRAND TOAL: 1.569 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGUYỄN ĐỨC TRUNG

ĐỖ VĂN CHIẾN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: P2	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4		VNHS FLIGHT: TM25/3394	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN LONG	P2	79	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ CÔNG ANH	P2	77	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	80	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	85	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	95	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THÀNH NAM	P2	81	1	4			57	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2						80	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	P2	84	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐOÀN THÀNH CÔNG	P2	88	1	7	1	24	70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH VIỆN	P2	91	1	7	2	14	78	KHI	Vietnamese
11	TATARINOV S.M.	P2	78	1	10	4	25	80	ANTOAN	Russian
12	ĐỖ TRUNG KIẾN	P2	89-90	2	10			65	YTE	Vietnamese
13	TRẦN ANH BAO	P2	94	1	8			67	YTE	Vietnamese
14	TRẦN HÙNG	P2	98-99	2	16			87	PVGAS	Vietnamese
15	JOSE RODOLFO RAMOS	P2	96-97	2	14			97	PVGAS	Filipino
16	HOÀNG NGỌC TÂN	P2	200,01	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	86	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	82-83	2	5			72	KH-THAC	Vietnamese
19	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	87	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	19	1.389	23	148	7	63	19		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.389</b>	<b>23</b>	<b>148</b>	<b>7</b>	<b>63</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.389</b>		<b>148</b>		<b>63</b>			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

ĐẶNG NGỌC MẠNH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: CLO - P2	CREW: VTHANG - HTRUNG - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3388	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG VAN HUNG	CLO	12	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN QUANG HIEN	CLO	08	1	9			64	KHOAN	Vietnamese
3	SHEVCHENKO DMITRII	CLO	20	1	6			80	KHOAN	Russian
4	NGUYEN VAN TRUNG	CLO	05-06	2	11			77	KHOAN	Vietnamese
5	VU THE NANG	CLO	07	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
6	NGO VAN BAC	CLO	10	1	6			79	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN LONG	CLO	300	1	5			68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG NHAT	CLO	03	1	3			56	KHOAN	Vietnamese
9	BUI QUOC GIA	CLO	01	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG MINH PHUC	CLO	02	1	4			77	KHOAN	Vietnamese
11	DO HUY BINH	CLO	99	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NHU DUNG	CLO	17	1	9			64	KHOAN	Vietnamese
13	LE THANH THAI	CLO	16	1	13			96	KHOAN	Vietnamese
14	LE HUU HUNG	CLO	14	1	14			73	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG MINH TUAN	CLO	15	1	14			86	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN QUANG HUNG	CLO	13	1	13			76	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN DUC THANG	CLO	04	1	5			100	PSV	Vietnamese
18	TRINH XUAN HUNG	CLO	11	1	7	2	16	91	XAYLAP	Vietnamese
19	LAI DINH HAI	CLO	09	1	9			84	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TIEN CHUONG	P2	300	1	6	4	24	68	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG XUAN SON	P2	98-99	2	17			82	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN QUY TRUNG	P2	97	1	2			69	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	19	1.453	20	144	2	16	18		
2	P2	3	219	4	25	4	24	4		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.672</b>	<b>24</b>	<b>169</b>	<b>6</b>	<b>40</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.672</b>		<b>169</b>		<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.881 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: CAM-3	TO:RC3 - CLO - TD1	CREW: MMINH - VUONG	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3382	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN TAN TAI	RC3	31	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN HOANG SANG	RC3	30	1	14			92	KH-THAC	Vietnamese
3	LAM VAN HANH	RC3	22	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TAN HONG	RC3	20	1	4	3	50	63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC XUAN	RC3	25	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH CONG	RC3						62	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN TRINH	RC3	26	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LOC	RC3	21	1	14			60	XAYLAP	Vietnamese
9	LAM HUU TUNG	RC3	29	1	8			61	XAYLAP	Vietnamese
10	DUONG VAN TUAN	RC3	27-28	2	20			76	XAYLAP	Vietnamese
11	LE VAN BINH	RC3	23-24	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
12	HOANG THAI LONG	RC3	19	1	8			57	PSV	Vietnamese
13	DAU DUC VO HUYNH	CLO	05	1	5			66	NIPI	Vietnamese
14	LE VAN NGOC	CLO						68	XAYLAP	Vietnamese
15	VU MANH HUONG	CLO	06	1	5			51	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TRUONG	CLO						59	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN MINH BANG	TD1	76	1	5			87	PSV	Vietnamese
18	LE XUAN TINH	TD1	77	1	3	1	20	94	PSV	Vietnamese
19	LE VAN TINH	TD1	74-75	2	6			56	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC3	12	798	13	114	3	50	12		
2	CLO	4	244	2	10	0	0	0		
3	TD1	3	237	4	14	1	20	7		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.279</b>	<b>19</b>	<b>138</b>	<b>4</b>	<b>70</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.279</b>		<b>138</b>		<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.487 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI NGOC HA

CREW

MÀU MẠNH MINH  
TRẦN HÙNG VƯƠNG





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
B.CARD: NAU-3	TO: P2 - BK5 - P9	CREW: TUYỀN - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3395	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	59	1	4	3	45	64	KH-THAC	Vietnamese
2	LE SY VANG	P2	69	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ HUY QUYNH	P2						65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG TRỌNG OAI	P2	65-66	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ ANH NGỌC	P2	63-64	2	16			73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC HOANG HAI	P2	55	1	10			88	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG ĐỨC LINH	P2	58	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
8	LE TAN	P2	61-62	2	14			76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	60	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
10	LE CÔNG LƯU	P2	70	1	9			63	KH-THAC	Vietnamese
11	LE VĂN NĂM	P2	54	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH TUẤN	P2	67-68	2	10			74	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯU ANH TUẤN	P2	56	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THANH HIỆN	P2	71	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH HOÀN	P2	53	1	13			88	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MẠNH TÙNG TÀI	P2	51	1	11	5	63	68	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH TRUNG	P2	52	1	8			81	CODIEN	Vietnamese
18	BUI HỮU TRI	P2	57	1	6			55	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH LAM	P2	08	1	8			75	PSV	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	75	1	5	1	15	61	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI QUANG DUY	BK5	76	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN NGUYỄN	BK5	74	1	5			69	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P2	19	1.339	22	154	8	108	14		CHUYEN 1 PAX P2-BK5 CHUYEN 2 PAX P2-P9
2	BK5	3	208	3	19	1	15	4		
3	P9	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	1.547	25	173	9	123	22		
WEIGHT KG			1.547		173		123			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN  
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:15
B.CARD: XANH-3	TO:RP2 - BK6	CREW: LTUẤN - MẠNH	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3389	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN QUÂN	RP2	62-63	2	9			70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	RP2	64	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI VĂN TUẤN	RP2	66	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN TÂM	RP2	77	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC SƠN	RP2	70-71	2	13			71	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ ANH TUẤN	RP2	72	1	13	2	32	70	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ NGỌC TŨ	RP2	68	1	10			73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	58	1	12			65	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	RP2	65	1	8			72	DVL	Vietnamese
10	NGUYỄN NAM HAI	RP2	59-60	2	17			80	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN TIẾP	RP2	73-74	2	20			77	DVL	Vietnamese
12	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	61	1	4			76	PSV	Vietnamese
13	TRẦN MINH HÙNG	RP2	69	1	5			87	PSV	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	67	1	10			68	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	56-57	2	11			65	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIÊN DŨNG	BK6	05	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH HAI	BK6	03	1	10			76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THIỆP	BK6	01	1	6	1	13	67	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TRONG MINH	BK6	04	1	3			66	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	15	1.076	20	155	2	32	8		
2	BK6	4	279	4	24	1	13	4		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.355</b>	<b>24</b>	<b>179</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>12</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.355</b>		<b>179</b>		<b>45</b>			

GRAND TOAL: 1.579 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

ĐẶNG NGỌC MẠNH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/09/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
B.CARD: TRANG-4	TO:TD3 - BK8	CREW: TUYỀN - TTRUNG - MQUÂN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/3396	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	DUONG BA VINH	TD3	88	1	15			97	DVL	Vietnamese
2	LE VAN THANG	TD3	89	1	13			76	DVL	Vietnamese
3	HAN TRICH GIANG	TD3	99	1	17			78	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN TRONG	TD3	90-91	2	19			82	XAYLAP	Vietnamese
5	TRAN VAN TRA	TD3	700	1	12			84	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN DINH HUNG	TD3	94	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
7	VO VAN SON	TD3	92-93	2	19			51	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DANG TUYEN	TD3	95-96	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN DINH HUNG	TD3	97-98	2	20	1	15	59	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN DUC HAO	TD3	85	1	10	1	14	84	XAYLAP	Vietnamese
11	DUONG VAN NGUYEN	TD3	87	1	8	2	19	65	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG CAM	BK8	30	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
13	LUONG VIET HOP	BK8	25	1	3			64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TIEN DAT	BK8	27	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRUONG THE VINH	BK8	32	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO HOANG NAM	BK8	31	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN DINH PHUONG	BK8	29	1	11			74	KH-THAC	Vietnamese
18	VU XUAN TAM	BK8	28	1	14			66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRUONG QUYET THANG	BK8	33	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN GIA CUONG	BK8	35	1	14			71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN LE DANG QUANG	BK8	34	1	12			92	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG THANG	BK8	26	1	6			65	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	11	810	15	164	4	48	5		
2	BK8	11	793	11	110	0	0	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.603</b>	<b>26</b>	<b>274</b>	<b>4</b>	<b>48</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.603</b>		<b>274</b>		<b>48</b>			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ANH

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN  
NGUYỄN THÀNH TRUNG